

Số: 364 /QĐ-UBND

Quảng Phú, ngày 13 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp với  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Phú  
(Công bố lần 04)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG PHÚ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã;*

*Căn cứ Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã;*

*Căn cứ Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông từ Ủy ban nhân dân cấp xã đến Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông từ Ủy ban nhân dân cấp xã đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và đến các cơ quan cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ*

*sung lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ xác nhận của Chủ tịch UBND huyện về việc áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã có hiệu lực;*

*Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê xã,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố lần 04 Hệ thống Quản lý chất lượng tại UBND xã Quảng Phú phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã.

**Điều 3.** Công chức Văn phòng - Thống kê xã, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Lợi**

**Phụ lục**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG PHÚ**  
**ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 364/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 7 năm 2021  
của Chủ tịch UBND xã Quảng Phú)*

TT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ SỐ
<b>A</b>	<b>Tài liệu chung</b>	
1	Sổ tay chất lượng	STCL
2	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-ISO-01
3	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-ISO-02
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-ISO-03
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-ISO-04
6	Quy trình hành động khắc phục	QT-ISO-05
7	Quy trình hành động phòng ngừa	QT-ISO-06
8	Quy trình quản lý rủi ro	QT-ISO-07
9	Quy trình quản lý văn bản đi, văn bản đến	QT-ISO-08
10	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT-ISO-09
<b>B</b>	<b>Quy trình nội bộ</b>	
	<b>Lĩnh vực Tài chính – Ngân sách</b>	
1	Thủ tục thực hiện việc báo cáo quyết toán ngân sách	01 TT QT-KT-01
<b>C</b>	<b>Các quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực thi đua khen thưởng (04 QT)</b>	<b>04 TT</b>
1	1. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	1 QT-TĐKT-01
2	2. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	2 QT-TĐKT-02

3	3. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	3	QT-TĐKT-03
4	4. Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	4	QT-TĐKT-04
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Tôn giáo (03 QT)</b>	<b>10 TT</b>	
5	1. Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	5	QT-TG-01
	2. Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	6	
	3. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	7	
6	1. Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	8	QT-TG-02
	2. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	9	
7	1. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	10	QT-TG-03
	2. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	11	
	3. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trên địa bàn xã khác	12	
	4. Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	13	
	5. Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	14	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Dân tộc (02 QT)</b>	<b>02 TT</b>	
8	1. Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	15	QT-DT-01
9	2. Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	16	QT-DT-02
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội - Bảo trợ xã hội cấp huyện (16 QT)</b>	<b>16 TT</b>	
10	1. Thủ tục “Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật”	17	QT-BTXH-01
11	2. Thủ tục “Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật”	18	QT-BTXH-02
12	3. Thủ tục “Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở”	19	QT-BTXH-03
13	4. Thủ tục “Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng phí”	20	QT-BTXH-04

14	5.Thủ tục “ Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế”	21	QT-BTXH-05
15	6.Thủ tục “Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm”	22	QT-BTXH-06
16	7.Thủ tục “Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm”	23	QT-BTXH-07
17	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	24	QT-BTXH-08
18	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	25	QT-BTXH-09
19	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	26	QT-BTXH-10
20	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	27	QT-BTXH-11
21	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	28	QT-BTXH-12
22	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	29	QT-BTXH-13
23	Hỗ trợ chi phí mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	30	QT-BTXH-14
24	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	31	QT-BTXH-15
25	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp ban đầu cho nạn nhân	32	QT-BTXH-16
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ và chăm sóc trẻ em (06 QT)</b>	<b>6</b> <b>TT</b>	
26	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	33	QT-BVCSTE-01
27	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	34	QT-BVCSTE-02
28	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	35	QT-BVCSTE-03
29	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	36	QT-BVCSTE-04
30	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	37	QT-BVCSTE-05
31	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ	38	QT-BVCSTE-06

	giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Người có công (23 QT)</b>	<b>23 TT</b>	
<b>32</b>	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	<b>39</b>	QT-NCC-01
<b>33</b>	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	<b>40</b>	QT-NCC-02
<b>34</b>	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	<b>41</b>	QT-NCC-03
<b>35</b>	Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	<b>42</b>	QT-NCC-04
<b>36</b>	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	<b>43</b>	QT-NCC-05
<b>37</b>	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	<b>44</b>	QT-NCC-06
<b>38</b>	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	<b>45</b>	QT-NCC-07
<b>39</b>	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	<b>46</b>	QT-NCC-08
<b>40</b>	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	<b>47</b>	QT-NCC-09
<b>41</b>	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	<b>48</b>	QT-NCC-10
<b>42</b>	Giải quyết chế độ đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	<b>49</b>	QT-NCC-11
<b>43</b>	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	<b>50</b>	QT-NCC-12
<b>44</b>	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	<b>51</b>	QT-NCC-13
<b>45</b>	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	<b>52</b>	QT-NCC-14
<b>46</b>	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	<b>53</b>	QT-NCC-15
<b>47</b>	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	<b>54</b>	QT-NCC-16
<b>48</b>	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	<b>55</b>	QT-NCC-17
<b>49</b>	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	<b>56</b>	QT-NCC-18
<b>50</b>	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đối với người có công với cách mạng và con của họ	<b>57</b>	QT-NCC-19
<b>51</b>	Bổ sung tình hình thân nhân liệt sĩ	<b>58</b>	QT-NCC-20
<b>52</b>	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	<b>59</b>	QT-NCC-21
<b>53</b>	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng	<b>60</b>	QT-NCC-22

	hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
54	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia.	61	QT-NCC-23
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (01 QT)</b>	<b>03 TT</b>	
55	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	62	QT-PCTNXH-01
	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	63	
	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	64	
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Y tế (01 QT)</b>	<b>01 TT</b>	
56	Xét hưởng hỗ trợ chính sách cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	65	QT-YT-01
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (05 QT)</b>	<b>05 TT</b>	
57	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	66	QT-GDĐT-01
58	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	67	QT-GDĐT-02
59	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	68	QT-GDĐT-03
60	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	69	QT-GDĐT-04
61	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	70	QT-GDĐT-05
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao (05 QT)</b>	<b>05 TT</b>	
62	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	71	QT-VH-TT-01
63	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	72	QT-VH-TT-02
64	Xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	73	QT-VH-TT-03
65	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	74	QT-VH-TT-04
66	Thông báo tổ chức lễ hội	75	QT-VH-TT-05
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 QT)</b>	<b>02 TT</b>	
67	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	76	QT-QLATĐ-01
68	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	77	QT-QLATĐ-02
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường (04 QT)</b>	<b>04 TT</b>	
69	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	78	QT-MT-01
70	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	79	QT-MT-02
71	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	80	QT-MT-03

72	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	81	QT-MT-04
<b>XIII</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khuyến nông (07QT)</b>	<b>07 TT</b>	
73	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)	82	QT-NNPTNT-01
74	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	83	QT-NNPTNT-02
75	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	84	QT-NNPTNT-03
76	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	85	QT-NNPTNT-04
77	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	86	QT-NNPTNT-05
78	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	87	QT-NNPTNT-06
79	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	88	QT-NNPTNT-07
<b>XIV</b>	<b>Lĩnh vực Hộ Tịch (19 QT)</b>	<b>20 TT</b>	
80	Đăng ký khai sinh	89	QT-HT-01
81	Đăng ký kết hôn	90	QT-HT-02
82	1. Đăng ký nhận cha, mẹ, con	91	QT-HT-03
83	1. Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha mẹ con	92	QT-HT-04
84	1. Đăng ký khai tử	93	QT-HT-05
85	1. Đăng ký giám hộ	94	QT-HT-06
86	1. Đăng ký chấm dứt giám hộ	95	QT-HT-07
87	1. Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	96	QT-HT-08
88	1. Đăng ký cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	97	QT-HT-09
89	1. Đăng ký lại khai sinh	98	QT-HT-10
90	1 Đăng ký lại kết hôn	99	QT-HT-11
91	1. Đăng ký lại khai tử	100	QT-HT-12
92	1. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	101	QT-HT-13
93	1. Đăng ký cấp bản sao trích lục hộ tịch	102	QT-HT-14
94	1. Quy trình liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	103	QT-HT-15
95	1. Quy trình liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	104	QT-HT-16



96	1. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	105	QT-HT-17
97	1. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	106	QT-HT-18
98	1. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	107	QT-HT-19
99	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	108	QT-HT-20
<b>XV</b>	<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 QT)</b>	<b>03 TT</b>	
100	1. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	109	QT-NCN-01
101	1. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	110	QT-NCN-02
102	1. Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em làm con nuôi.	111	QT-NCN-03
<b>XVI</b>	<b>Lĩnh vực Chứng thực (09 QT)</b>	<b>11 TT</b>	
103	1. Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.	112	QT-CT-01
104	1. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	113	QT-CT-02
105	1. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	114	QT-CT-03
106	1. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	115	QT-CT-04
107	2. Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	116	QT-CT-05
108	3. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	117	QT-CT-06
109	1. Thủ tục chứng thực di chúc	118	QT-CT-07
110	1. Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	119	QT-CT-08
111	1. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	120	QT-CT-09
112	1. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	121	QT-CT-10
113	1. Chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	122	QT-CT-11
<b>XVI</b>	<b>Lĩnh vực Phổ biến, GDPL (02 QT)</b>	<b>02 TT</b>	
114	1. Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	123	QT-PBGDPL- 01
115	1. Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	124	QT-PBGDPL- 02
<b>XVIII</b>	<b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 QT)</b>	<b>04 TT</b>	
116	1. Bầu hòa giải viên	125	QT-PBGDPL- 01
117	1. Bầu tổ trưởng tổ hòa giải	126	QT-PBGDPL- 02

<b>118</b>	1. Cho thôi làm hòa giải viên	<b>127</b>	QT-PBGDPL- 03
<b>119</b>	1. Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<b>128</b>	QT-PBGDPL- 04
<b>XIV</b>	<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 QT)</b>	<b>01 TT</b>	
<b>120</b>	1. Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<b>129</b>	QT-TĐKT-01
<b>XX</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai (20 QT)</b>	<b>20 TT</b>	
<b>121</b>	Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã	<b>130</b>	QT-ĐĐ-01
<b>122</b>	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<b>131</b>	QT-ĐĐ-02
<b>123</b>	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	<b>132</b>	QT-ĐĐ-03
<b>124</b>	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	<b>133</b>	QT-ĐĐ-04
<b>125</b>	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	<b>134</b>	QT-ĐĐ-05
<b>126</b>	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	<b>135</b>	QT-ĐĐ-06
<b>127</b>	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<b>136</b>	QT-ĐĐ-07
<b>128</b>	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<b>137</b>	QT-ĐĐ-08
<b>129</b>	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	<b>138</b>	QT-ĐĐ-09
<b>130</b>	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<b>139</b>	QT-ĐĐ-10
<b>131</b>	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	<b>140</b>	QT-ĐĐ-11
<b>132</b>	Thủ tục Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<b>141</b>	QT-ĐĐ-12
<b>133</b>	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	<b>142</b>	QT-ĐĐ-13
<b>134</b>	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<b>143</b>	QT-ĐĐ-14
<b>135</b>	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng,	<b>144</b>	QT-ĐĐ-15

	cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở.		
<b>136</b>	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	<b>145</b>	QT-ĐĐ-16
<b>137</b>	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	<b>146</b>	QT-ĐĐ-17
<b>138</b>	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	<b>147</b>	QT-ĐĐ-18
<b>139</b>	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bìa của Giấy chứng nhận do bị mất	<b>148</b>	QT-ĐĐ-19
<b>140</b>	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất	<b>149</b>	QT-ĐĐ-20
<b>XXI</b>	<b>Lĩnh vực: Khiếu nại, tố cáo</b>	<b>(4TT)</b>	
<b>140</b>	Tiếp công dân	<b>150</b>	QT – KNTC – 01
<b>141</b>	Xử lý đơn thư	<b>151</b>	QT – KNTC – 02
<b>142</b>	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<b>152</b>	QT – KNTC – 03
<b>143</b>	Giải quyết tố cáo	<b>153</b>	QT – KNTC – 04
<b>XXII</b>	<b>Lĩnh vực: Phòng chống tham nhũng</b>	<b>(5TT)</b>	
<b>144</b>	Kê khai tài sản, thu nhập	<b>154</b>	QT – PCTN – 01
<b>145</b>	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	<b>155</b>	QT – PCTN – 02
<b>146</b>	Xác minh tài sản, thu nhập	<b>156</b>	QT – PCTN – 03
<b>147</b>	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	<b>157</b>	QT – PCTN – 04
<b>148</b>	Thực hiện việc giải trình	<b>158</b>	QT – PCTN – 05
<b>XXIII</b>	<b>Lĩnh vực: Kinh tế tập thể - Hợp tác xã</b>	<b>(5TT)</b>	
<b>149</b>	Xác nhận Đơn đề nghị hỗ trợ Tổ hợp tác	<b>159</b>	QT – KTTT-HTX – 01
<b>150</b>	Chấm dứt tổ hợp tác	<b>160</b>	QT – KTTT-HTX – 02
<b>151</b>	Thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác	<b>161</b>	QT – KTTT-HTX – 03
<b>152</b>	Thành lập tổ hợp tác	<b>162</b>	QT – KTTT-HTX – 04

153	Thông báo thành lập tổ hợp tác	163	QT – KTTT-HTX – 05
<b>XXIV</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>	<b>01 TT</b>	
154	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	164	QT-TT-01
<b>XXV</b>	<b>Lĩnh vực: Phòng chống thiên tai</b>	<b>(3TT)</b>	
155	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu.	165	QT – PCTT – 01
156	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh.	166	QT – PCTT – 02
157	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai.	167	QT – PCTT – 03
<b>XXVI</b>	<b>Lĩnh vực: Tổ hợp tác</b>	<b>(3TT)</b>	
158	Thông báo thành lập tổ hợp tác	168	QT – THT – 01
159	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	169	QT – THT – 02
160	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	170	QT – THT – 03
<b>XXVII</b>	<b>Lĩnh vực Quân sự</b>	<b>14 TT</b>	
161	Thủ tục đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội ( <i>chủ phương tiện là cá nhân</i> ).	171	QT-QS-01
162	Thủ tục xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội ( <i>chủ phương tiện là cá nhân</i> ).	172	QT-QS-02
163	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ.	173	QT-QS-03
164	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	174	QT-QS-04
165	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	175	QT-QS-05
166	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	176	QT-QS-06
167	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	177	QT-QS-07
168	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	178	QT-QS-08

<b>169</b>	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	<b>179</b>	
<b>170</b>	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	<b>180</b>	QT-QS-11
<b>171</b>	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	<b>181</b>	QT-QS-12
<b>172</b>	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.	<b>182</b>	QT-QS-13
<b>173</b>	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	<b>183</b>	QT-QS-14
<b>174</b>	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).	<b>184</b>	QT-QS-15
<b>174</b> <b>Quy</b> <b>trình</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>184</b> <b>Thủ</b> <b>tục</b>	